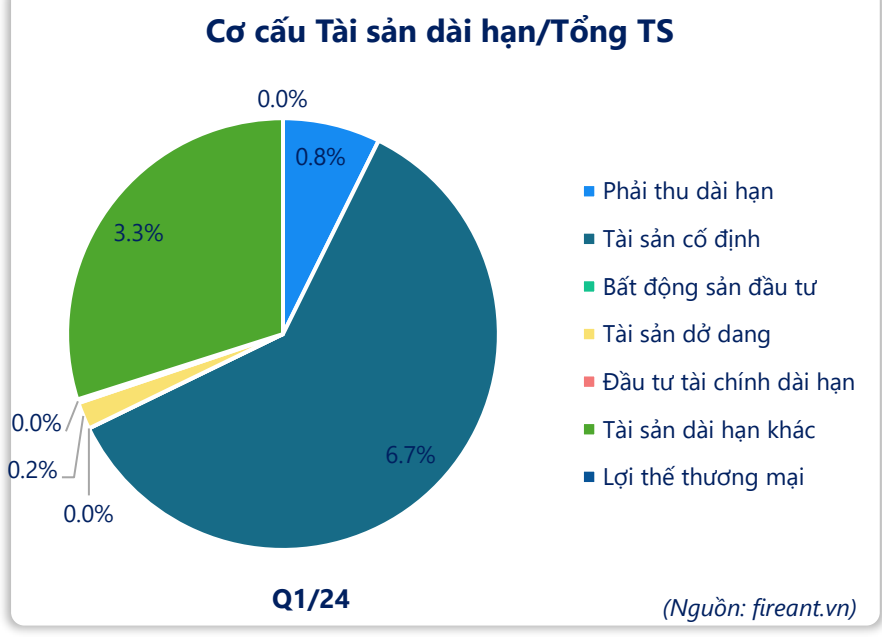
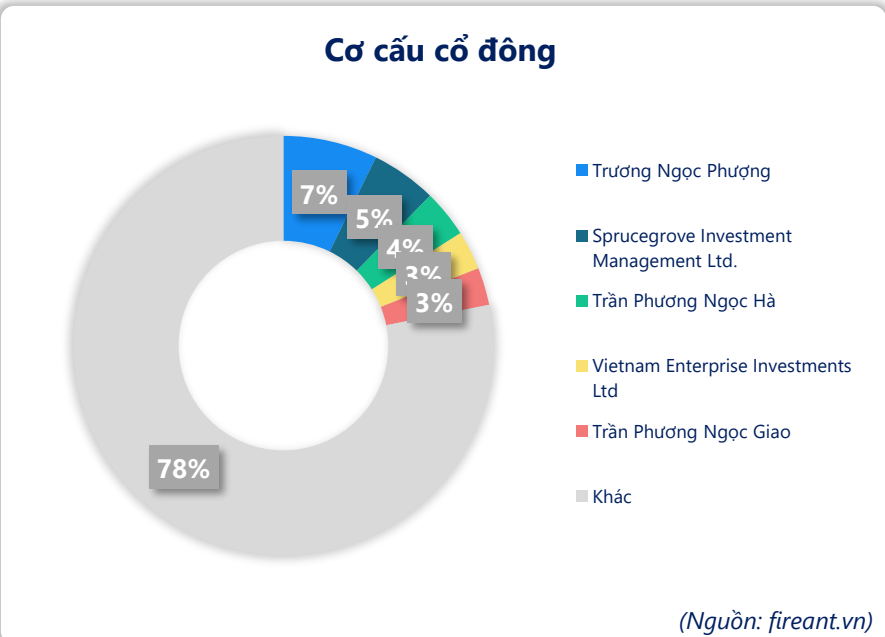
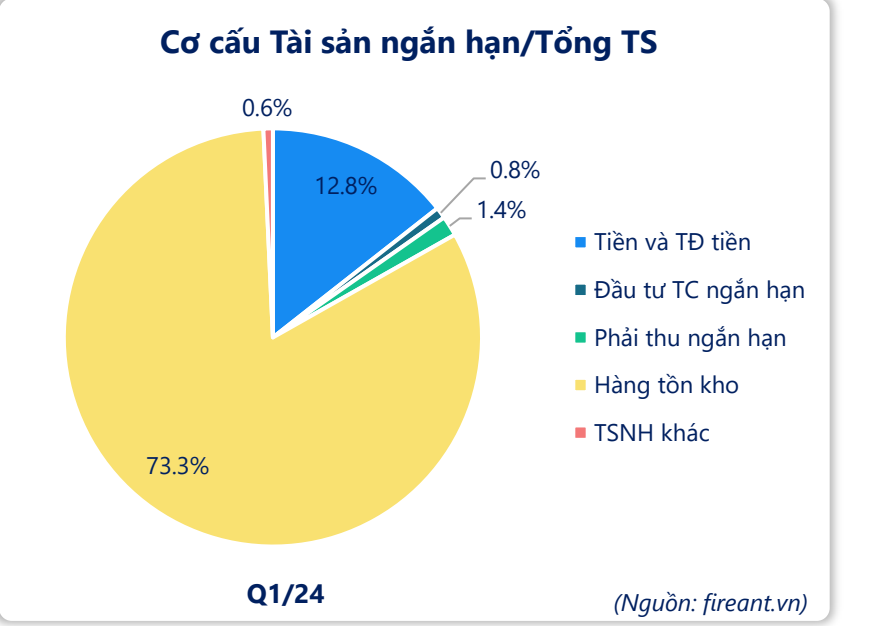
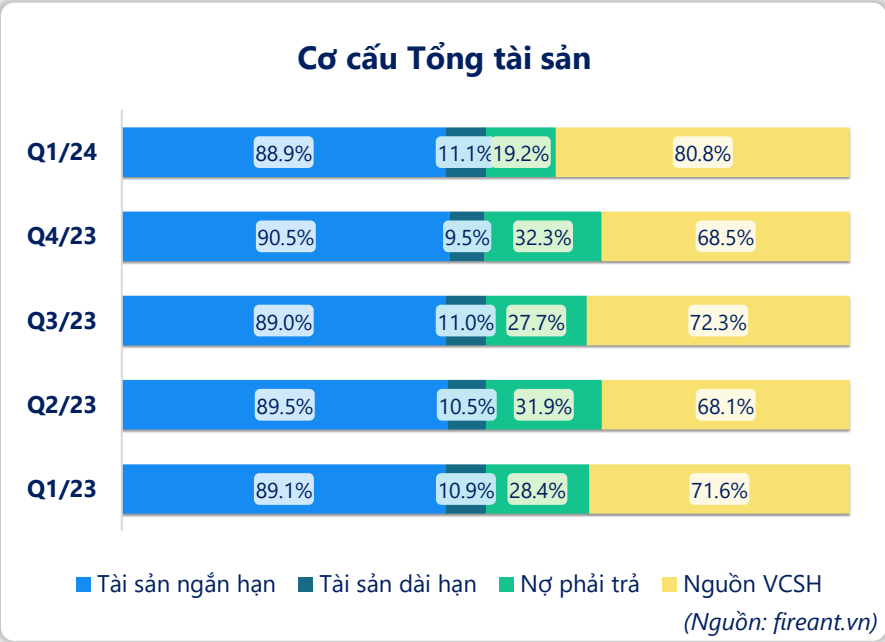
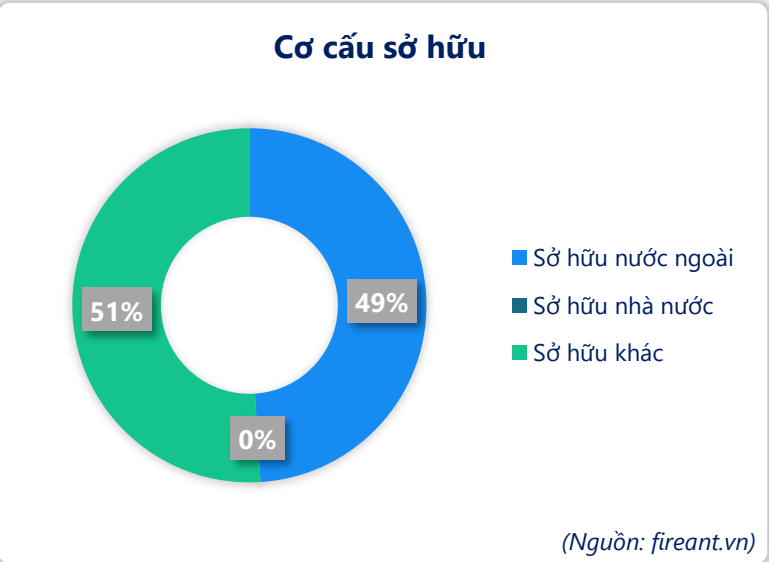
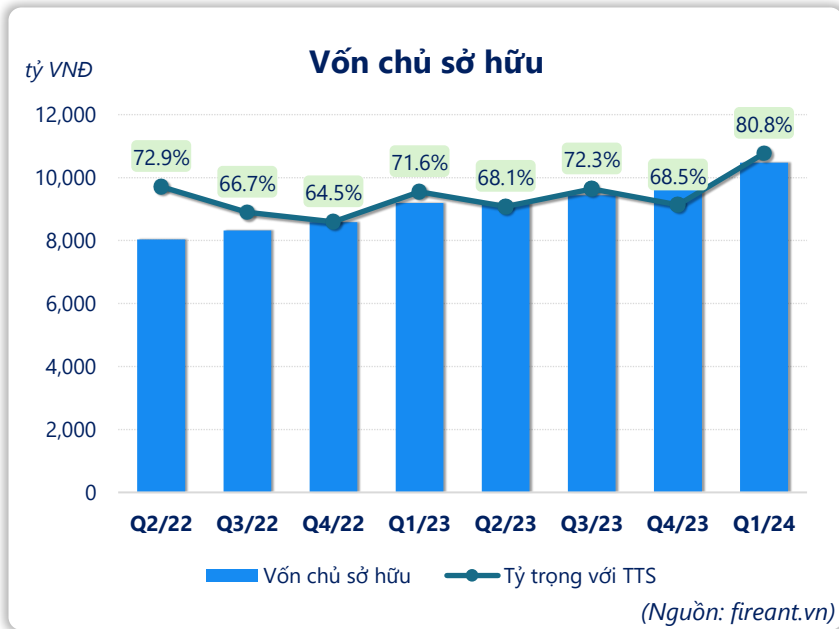
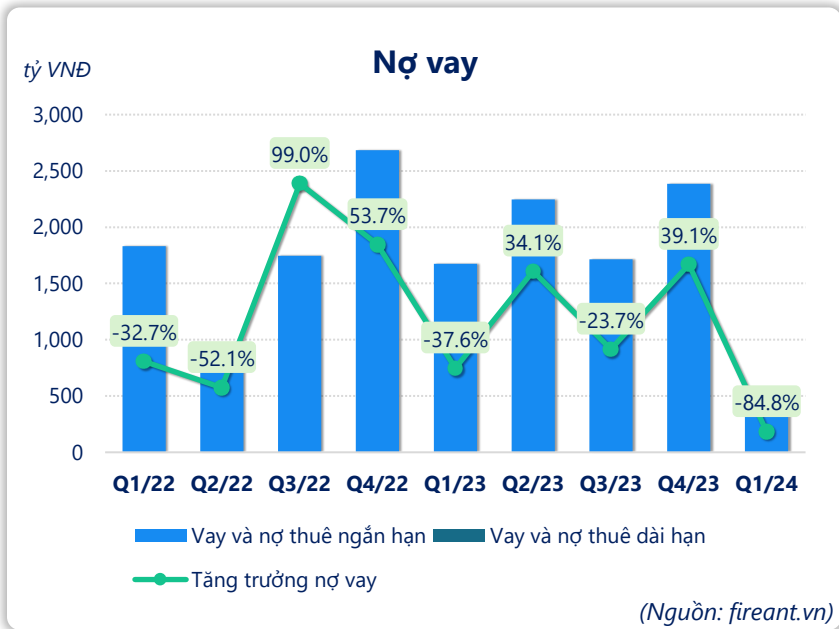
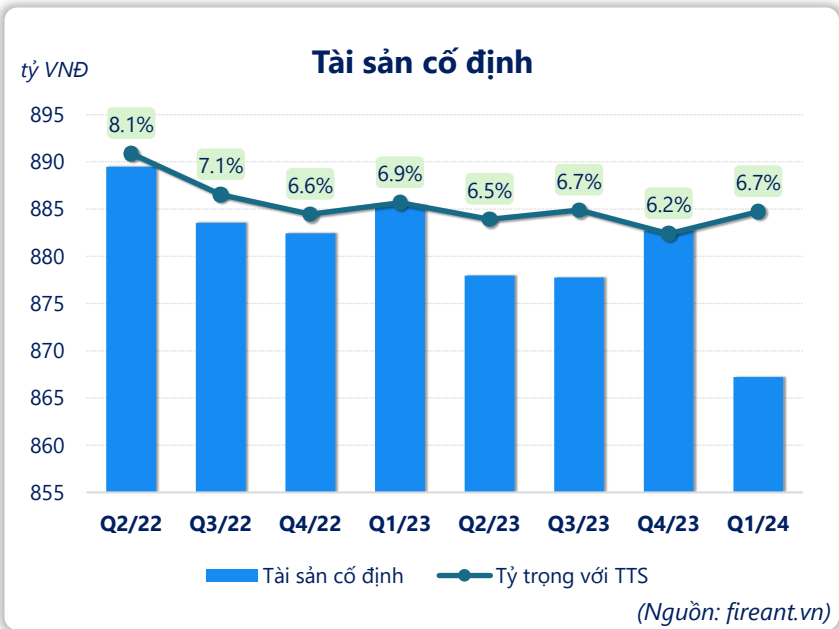
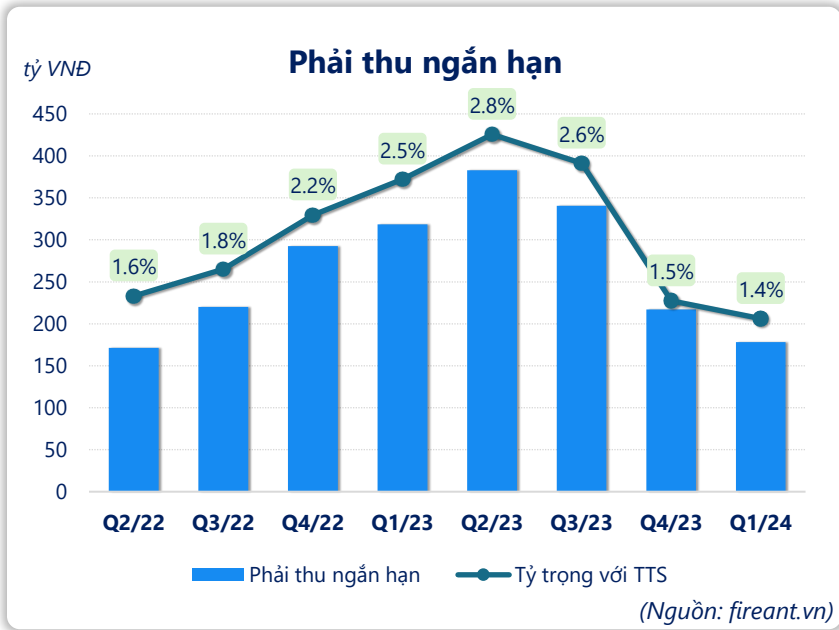
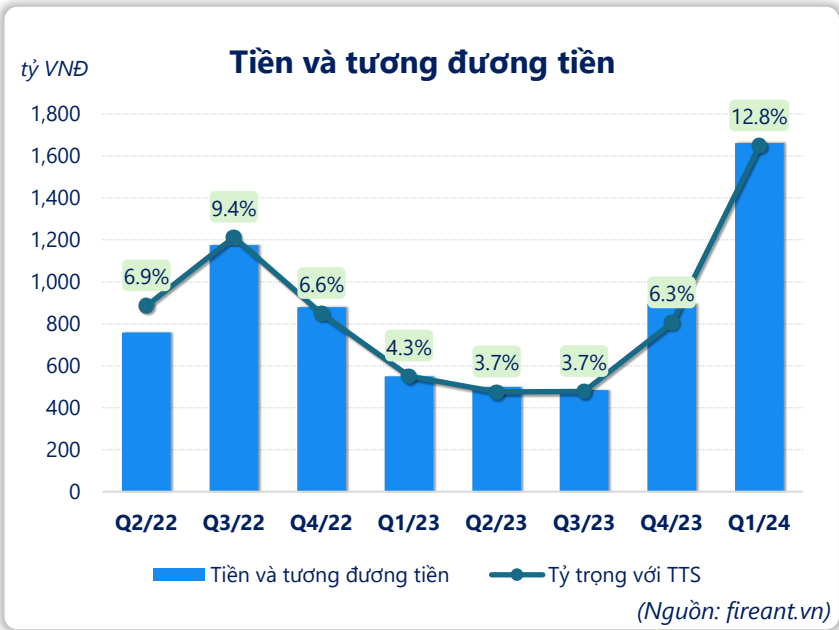
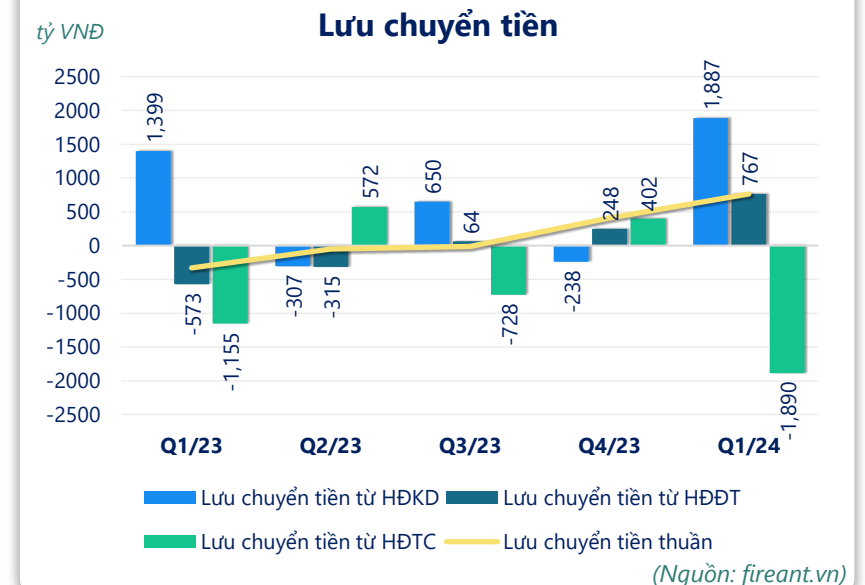
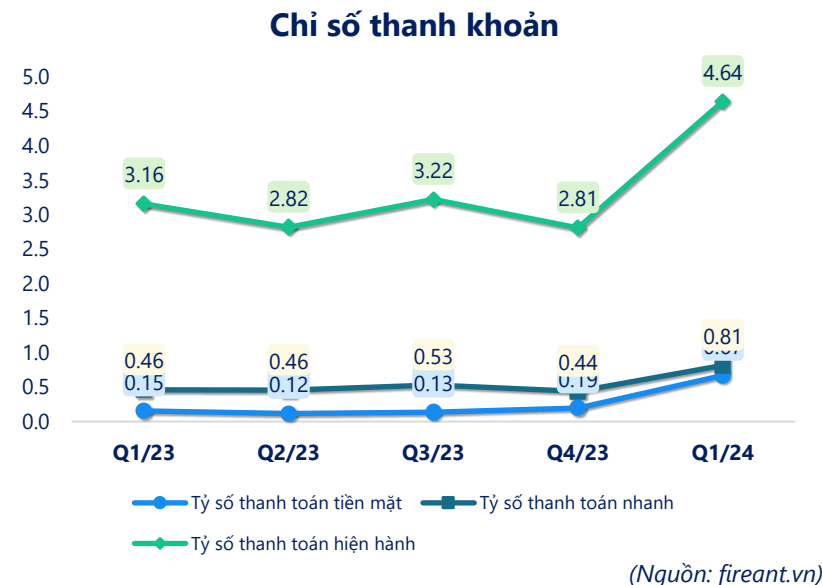
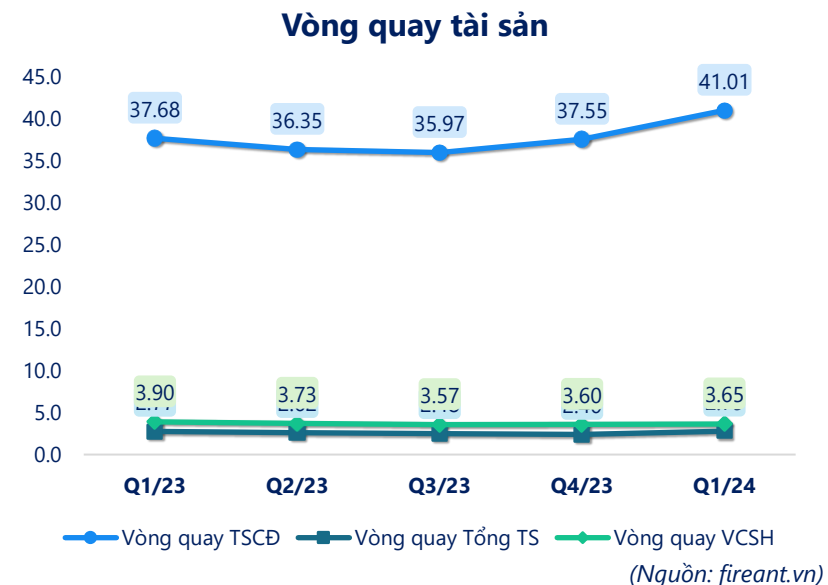
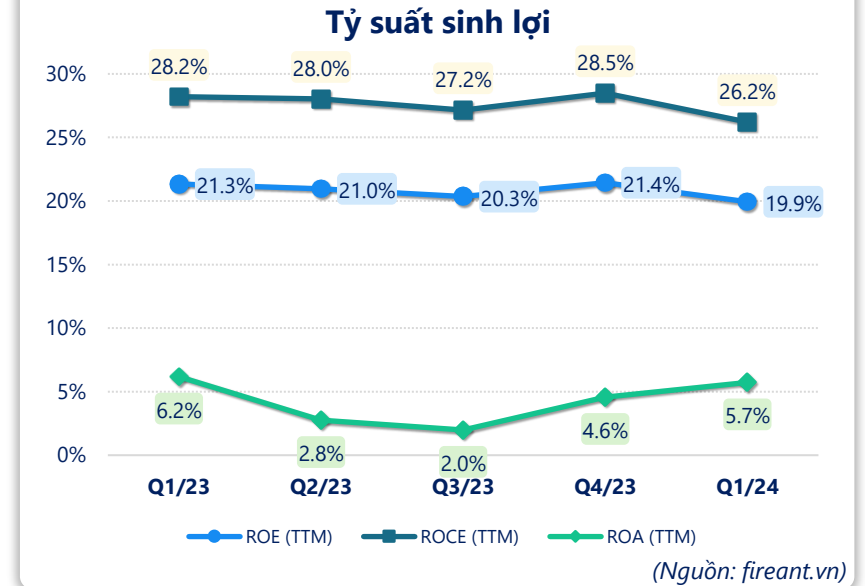
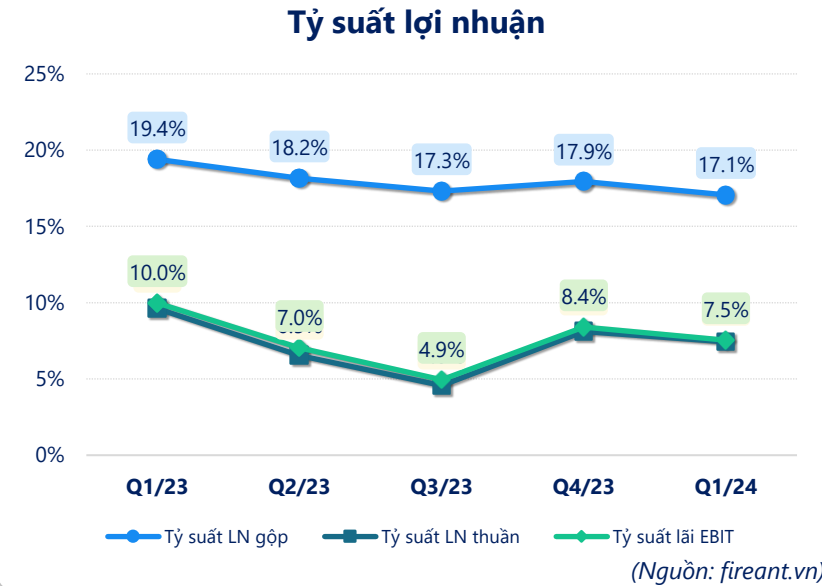
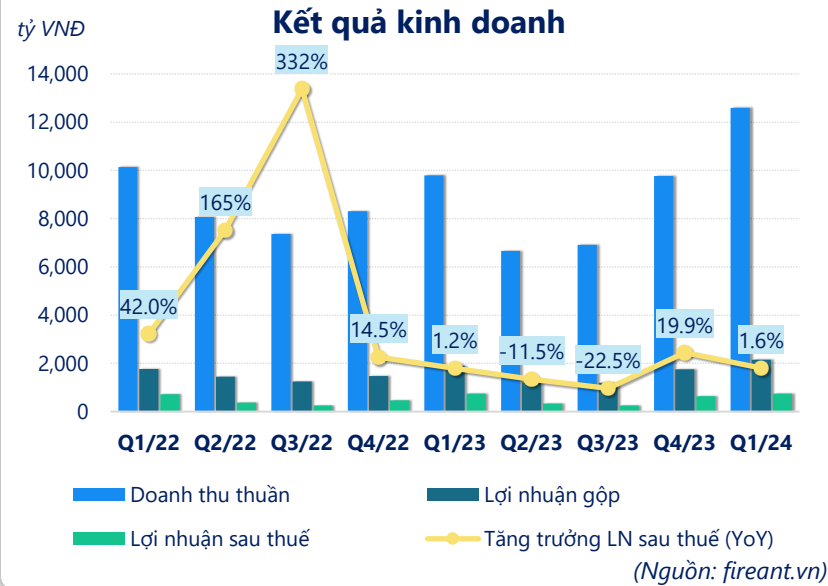


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		98,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		100,896
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		68,571
SL cổ phiếu LH		334,559,621
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,377,161
% sở hữu nước ngoài		49.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		33,088
P/E		16.9
EPS		5,861

	YTD	1T	3T	6T
PNJ	15.7%	4.1%	16.6%	27.6%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	12,969	14,428	-10.1%
Tài sản ngắn hạn	11,535	12,958	-11.0%
Tiền và tương đương tiền	1,662	896	85.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100	810	-87.6%
Phải thu ngắn hạn	178	215	-17.1%
Hàng tồn kho	9,511	10,941	-13.1%
Tài sản ngắn hạn khác	84.2	95.9	-12.2%
Tài sản dài hạn	1,434	1,469	-2.4%
Phải thu dài hạn	105	105	0.2%
Tài sản cố định	867	883	-1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	29.0	29.1	-0.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.98	3.98	0.0%
Tài sản dài hạn khác	429	449	-4.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,495	4,621	-46.0%
Nợ ngắn hạn	2,485	4,612	-46.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	364	2,384	-84.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	334	257	29.7%
Nợ dài hạn	9.38	9.42	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,474	9,806	6.8%
Vốn chủ sở hữu	10,474	9,806	6.8%
Vốn điều lệ	3,347	3,282	2.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	9,796	6,663	6,918	9,760	12,594
Giá vốn hàng bán	7,896	5,454	5,720	8,009	10,445
Lợi nhuận gộp	1,900	1,210	1,198	1,751	2,149
Doanh thu HĐTC	14.1	36.7	26.9	20.3	14.2
Chi phí TC	38.3	39.3	36.0	29.2	23.9
Chi phí lãi vay	34.1	33.0	28.9	22.7	14.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	760	616	697	763	976
Chi phí QLDN	175	156	175	187	227
LN thuần từ HĐKD	941	435	316	792	937
Lợi nhuận khác	1.93	1.18	-2.89	4.41	-1.01
LN trước thuế	943	436	313	797	936
Lợi nhuận sau thuế	749	338	253	632	738
LNST của CĐ cty mẹ	749	338	253	632	738

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,399	-307	650	-238	1,887
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-573	-315	63.8	248	767
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,155	572	-728	402	-1,890
Tiền đầu kỳ	880	550	499	485	896
Lưu chuyển tiền thuần	-330	-50.7	-14.2	412	765
Ảnh hưởng tỷ giá	0.20	-0.20	0	0	0.37
Tiền cuối kỳ	550	499	485	896	1,662

(Nguồn: fireant.vn)